

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2022

V/v: Không công nhận

là vợ chồng, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lại

2. Ông Hồ Thanh Trí

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 41 tháng 3 năm 2022 về việc không công nhận là vợ chồng, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 1, khu vực 2, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp C, xã TX, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Trần Văn P sau thời gian tự tìm hiểu đã tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, không tìm được tiếng nói chung trong việc chăm sóc gia đình nên

hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết nhưng không có kết quả nên đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nhận thấy đời sống chung không còn hạnh phúc và không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn P.

Về con chung: Bà và ông Trần Văn P có 01 con chung cháu tên Trần Phước L (nam) sinh ngày 04/3/2010, hiện do bà nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Văn P trình bày: Ông thống nhất về thời gian vợ chồng tìm hiểu, tổ chức đám cưới, quá trình sống chung nhưng không đăng ký kết hôn như bà T trình bày là đúng sự thật. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Trần Văn P thống nhất với phần trình bày của bà Tuyên, ông thống nhất giao cháu L cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Trần Văn P xin vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T và bị đơn Trần Văn P. Về con chung: Giao cháu Trần Phước L (nam), sinh ngày 04/3/2010 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu nên ông P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Văn P sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà T yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông P là vợ chồng, do ông P có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Văn P chung sống với nhau từ năm 2009, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tòa án đã phân tích, động viên để các bên trở về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng các bên đều xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Việc bà T yêu cầu không công nhận là vợ chồng phía ông P cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Văn P.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Văn P cùng xác nhận có 01 con chung cháu tên Trần Phước L (nam) sinh ngày 04/3/2010. Bà T và ông P thống nhất giao cháu L cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu nên ông P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Văn P không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Văn P.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn P giao cháu Trần Phước L (nam) sinh ngày 04/3/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trần Văn P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Văn Phước không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0011738 ngày 04/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà T đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật tại nơi cư trú.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã TX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Á